**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Cuộc thi “ Tìm hiểu Bộ luật hình sự 2015”**

**Câu 1:**

**Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi ,bổ sung 1 số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ( gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015 ) có hiệu lực thi hành từ ngày ,tháng, năm nào ? Được chia thành mấy phần , mấy chương và mấy điều ?**

**Hãy nêu các nguyên tắc xử lí được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015**

**Trả lời:**

**-Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi ,bổ sung 1 số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ( gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015 ) có hiệu lực thi hành từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.**

**Được chia thành 3 phần, 26 chương và 426 điều**

***- Các nguyên tắc xử lý trong Bộ luật Hình sự hiện hành***

**1. Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.**

**-Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội có một ý nghĩa không chỉ đối với việc đấu tranh chống tội phạm mà còn có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm.**

**+ Thực tiễn cho thấy nhiều trường hợp do phát hiện kịp thời hành vi phạm tội nên đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại do tội phạm gây ra. Ví dụ: Nếu chúng ta phát hiện kịp thời một số người đang có hành vi chuẩn bị phạm tội “hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân” sẽ ngăn chặn được tác hại do hành vi phạm tội gây ra. Phát hiện kịp thời hành vi phạm tội còn có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục cho mọi công dân công tác phòng ngừa tội phạm, cảnh báo những ai có ý định thực hiện tội phạm hãy từ bỏ ý định phạm tội nếu không sẽ bị trừng trị. Phát hiện kịp thời tội phạm còn có tác dụng chống mọi hoài nghi không đáng có vào tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, mọi người yên tâm lao động sản xuất, tin tưởng vào chế độ, vào Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật.**

**- Nguyên tắc này đòi hỏi các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và mọi công dân có nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm bằng cách phát hiện kịp thời, tố giác hành vi phạm tội với các cơ quan có trách nhiệm, đặc biệt nguyên tắc này yêu cầu các cơ quan tố tụng phải có trách nhiệm phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội.**

**2. Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.**

**- Nguyên tắc này thể hiện rõ tính công bằng trong việc xử lý người phạm tội. Sự bình đẳng trong nguyên tắc này là sự bình đẳng trong việc vận dụng các dấu hiệu cấu thành tội phạm đối với một hành vi phạm tội, đối với hình phạt cũng như các biện pháp tư pháp khác về người phạm tội, chống những biểu hiện phân biệt đối xử giữa những người phạm tội có địa vị xã hội khác nhau “dân thì xử nặng, quan thì xử nhẹ”.**

**- Nguyên tắc này không chỉ là nguyên tắc của BLHS khi xử lý hành vi phạm tội, mà còn là nguyên tắc đối với các đạo luật khác; không chỉ các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng mà đối với toàn xã hội, cần phải có thái độ công bằng đối với người phạm tội dù họ là ai. Khi khẳng định nguyên tắc “mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật”, nhưng không phải vì thế mà cho rằng không có sự phân hóa “nghiêm trị ai, khoan hồng đối với ai” và điều này càng thể hiện nội dung của khái niệm “bình đẳng, công bằng” không đồng nhất với khái niệm “bình quân, cào bằng”.**

**3. Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.**

**Nguyên tắc này được tách từ nguyên tắc thứ 2 của BLHS năm 1999. Việc tách nguyên tắc này ra thành một nguyên tắc độc lập là bảo đảm chính xác không chỉ về nội dung mà còn về kỹ thuật lập pháp.**

**- Nội dung của nguyên tắc thể hiện rõ thái độ của Nhà nước ta đối với những đối tượng cần phải nghiêm trị, được liệt kê. Đó là: Người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Việc quán triệt nội dung nguyên tắc này trong thực tế đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, nhất là đối với người phạm tội tham nhũng thì nguyên tắc này chưa được thực hiện nghiêm túc. Cũng chính vì vậy mà trong nhiều báo cáo về tham nhũng của Nhà nước cũng như của các cơ quan chức năng thường đánh giá là công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu hoặc chưa được như mong muốn.**

**4. Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.**

**Đây cũng là nguyên tắc được tách ra từ nguyên tắc thứ 2 của BLHS năm 1999.**

**Nội dung của nguyên tắc này nói nên tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, quy mô của việc thực hiện tội phạm có đồng phạm và hậu quả do hành vi thực hiện tội phạm gây ra cho xã hội, chứ không phải đối với người phạm tội.**

**- Cùng với việc quy định nghiêm trị đối với những trường hợp phạm tội nguy hiểm thì BLHS cũng đề ra chủ trương khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra nhằm làm giảm bớt tác hại của tội phạm, đồng thời có tác dụng phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, lập lại trật tự kỷ cương xã hội.**

**- Nếu căn cứ vào nội dung thì: “Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra”. Có thể coi là một nguyên tắc độc lập với các nguyên tắc khác. Tuy nhiên, nhà làm luật không quy định thành một nguyên tắc riêng mà quy định ngay sau nguyên tắc: “Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.**

**- Có thể về kỹ thuật lập pháp, việc không quy định thành một nguyên tắc độc lập sẽ dẫn đến việc hiểu và áp dụng nguyên tắc này một cách máy móc là chỉ đối với người phạm tội “dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” mà “tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra” thì mới được khoan hồng, còn những người khác thì không được. Nếu hiểu như vậy là phiến diện, chưa thấy hết chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người phạm tội.**

**- Tuy nguyên tắc này được quy định trong cùng một điểm nhưng phải hiểu rằng, tất cả những người phạm tội mà “tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra” thì đều được khoan hồng. Chỉ có hiểu như vậy mới thấy hết được nguyên tắc xử lý đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội mà Nhà nước đề ra.**

**- Các nguyên tắc trên là nguyên tắc phân hóa tội phạm, không chỉ có tác dụng đấu tranh chống tội phạm mà còn có tác dụng to lớn trong việc phòng ngừa tội phạm. Việc quy định nghiêm trị ai, loại hành vi nào, không phải chỉ để áp dụng hình phạt thật nặng đối với họ mà chủ yếu có tính chất răn đe, phòng ngừa, cảnh báo cho mọi người biết nếu cố tình phạm tội thuộc các trường hợp trên thì sẽ bị nghiêm trị.**

**5. Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.**

**- Đây là nguyên tắc được cụ thể hóa từ nguyên tắc khoan hồng, nhưng chỉ đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng và cũng chỉ có Tòa án áp dụng, vì chỉ có Tòa án mới được quyết định hình phạt. Đây là nguyên tắc quyết định hình phạt nhưng không vì thế mà cho rằng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không cần quan tâm đến nguyên tắc này, vì quán triệt nguyên tắc này sẽ giúp cho Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát ngay từ khi khởi tố bị can, nếu không thật cần thiết thì không nên áp dụng biện pháp tạm giam đối với người phạm tội.**

**- Đây cũng không phải là nguyên tắc quyết định hình phạt duy nhất, vì khi quyết định hình phạt Tòa án còn phải căn cứ vào nhiều nguyên tắc khác, không chỉ có nguyên tắc này.**

**- Nguyên tắc không áp dụng hình phạt tù đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng còn là cơ sở quy định các chế định khác về quyết định hình phạt như: Căn cứ quyết định hình phạt; quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS; án treo…**

**- Nguyên tắc nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, phân hóa tội phạm là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình áp dụng BLHS, là chính sách hình sự của Nhà nước đối với tội phạm. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng phải luôn luôn quán triệt nguyên tắc này để xử lý tội phạm. Nguyên tắc này còn là cơ sở để quy định các chế định, các quy định khác về tội phạm và hình phạt trong cả Phần thứ nhất và Phần thứ hai của BLHS. Quán triệt và thực hiện đúng nguyên tắc này còn là cơ sở để thực hiện các nguyên tắc khác.**

**6. Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện.**

**Đây là nguyên tắc nhân đạo đối với người đã bị kết án và bị phạt tù giam; cũng là nguyên tắc cơ bản mà không phải quốc gia nào cũng quy định. Ở nước ta, người bị phạt tù tuy bị hạn chế quyền tự do, nhưng họ được lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có nhiều tiến bộ thì được xét giảm việc chấp hành hình phạt tù.**

**- Nguyên tắc này là cơ sở để quy định các chế định khác như: Chế định về miễn chấp hành hình phạt; giảm mức hình phạt đã tuyên; giảm thời hạn chấp**

**hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt; hoãn chấp hành hình phạt tù; tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù…**

**-Có thể nói, đây là nguyên tắc thi hành án phạt tù, chứ không phải nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Cũng có ý kiến cho rằng, BLHS không nên quy định nguyên tắc này, mà nên quy định trong Luật thi hành án hình sự. Tuy nhiên, việc quy định nguyên tắc này trong BLHS là không thừa. Vì việc thi hành BLHS không phải chỉ đối với cơ quan nhà nước mà đối với toàn xã hội, mọi người dân đều phải biết chính sách của Nhà nước ta đối với người phạm tội, để tuyên truyền, phổ biến pháp luật; góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm.**

**7. Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.**

**- Đây là nguyên tắc nhân đạo đối với người bị kết án, họ không bị xã hội thành kiến với tội lỗi mà họ đã phạm. Sau khi người phạm tội đã chấp hành xong hình phạt, họ được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng. Các cơ quan, tổ chức phải có trách nhiệm tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng đối với người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên, để nguyên tắc đi vào cuộc sống thì trước hết các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các doanh nghiệp phải thật sự loại bỏ tư tưởng kỳ thị đối với người bị kết án. Nhà nước cần phải có chính sách khuyến khích đối với các đơn vị, các tổ chức kinh tế nhận người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tù vào đơn vị, doanh nghiệp mình làm việc.**

**-Chế định xóa án tích cũng là một nguyên tắc không chỉ xóa đi mặc cảm của xã hội đối với người bị kết án mà còn để chính bản thân người bị kết án cũng xóa đi mặc cảm đối với chính họ. Nguyên tắc này còn là cơ sở để quy định chế định xóa án tích trong BLHS. - Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 BLHS thì: “Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật; mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra”. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, BLHS cũng nêu 4 nguyên tắc. Tuy nhiên, nội dung của 4 nguyên tắc đối với pháp nhân thương mại phạm tội cũng tương tự như đối với người phạm tội./.**

**Câu 2:**

**Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, tội phạm là gì và có bao nhiêu loại tội phạm? Hãy cho biết, so với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 đã bổ sung mới và bãi bỏ những tội danh nào?**

**Trả lời:**

**Căn cứ Điều 8 Bộ luật Hình sự 2015 quy định về Khái niệm tội phạm như sau:**

**Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.**

**Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành các loại sau:**

**+ Tội phạm ít nghiêm trọng được hiểu là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù;**

**+ Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù;**

**+ Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù;**

**+ Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.**

**Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ ngày 1-1-2018. So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung mới 34 tội danh và bãi bỏ 8 tội danh. Cụ thể:**

**34 tội danh mới được bổ sung đáp ứng yêu cầu thực tiễn**

**Bao gồm 18 tội danh mới bổ sung rải đều trong các chương của BLHS năm 2015, được quy định tại các điều luật cụ thể: Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Điều 167);**

**Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 187); Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238); Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật (Điều 285);**

**Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (Điều 291); Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh (Điều 293); Tội cố ý gây nhiễu có hại (Điều 294); Tội cưỡng bức lao động (Điều 297); Tội bắt cóc con tin (Điều 301);**

**Tội cướp biển (Điều 302); Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật (Điều 336); Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348); Tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 388); Tội gây rối trật tự phiên tòa (Điều 391); Tội ra mệnh lệnh trái pháp luật (Điều 393); và Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sĩ (Điều 418).**

**16 tội danh mới trong các lĩnh vực kinh tế, gồm: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212); Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213); Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Điều 214);**

**Tội gian lận bảo hiểm y tế (Điều 215); Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216); Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217); Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp (217a);**

**Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218); Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219); Tội vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220); Tội vi phạm quy định của Nhà nước về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221);**

**Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222); Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223); Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224); Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Điều 230); Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234).**

**8 tội danh bị bãi bỏ**

**Đó là các tội danh: Hoạt động phỉ; Tảo hôn; Kinh doanh trái phép; Báo cáo sai trong quản lý kinh tế; Vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng; Sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; Không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính.**

**Câu 3:**

**Trình bày khái niệm hình phạt, các loại hình phạt được áp dụng đổi với người phạm tội và quy định về hình phạt tiền đối với người phạm tội theo bộ luật hinh sự năm 2015?**

**Trả lời**

**Khái niệm hình phạt**  
Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

**Các hình phạt đối với người phạm tội:**  
1. Hình phạt chính bao gồm:  
a) Cảnh cáo;  
b) Phạt tiền;  
c) Cải tạo không giam giữ;  
d) Trục xuất;  
đ) Tù có thời hạn;  
e) Tù chung thân;  
g) Tử hình.  
2. Hình phạt bổ sung bao gồm:  
a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;  
b) Cấm cư trú;  
c) Quản chế;  
d) Tước một số quyền công dân;  
đ) Tịch thu tài sản;  
e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;  
g) Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.  
3. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

**Phạt tiền**  
1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:  
a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật hình sự 2015 quy định;  
b) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật hình sự 2015 quy định.  
2. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.  
3. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn 1.000.000 đồng.  
4. Hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định tại Điều 77 của Bộ luật hình sự 2015.  
**Cải tạo không giam giữ**  
1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật hình sự 2015 quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.  
Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.  
2. Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.  
3. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.  
Không khấu trừ thu nhập đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.  
4. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.  
Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.  
Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.  
Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

**- Trục xuất**  
Trục xuất là buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  
Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

**Tù có thời hạn**  
1. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.  
Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.  
Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.  
2. Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.  
  
**Tù chung thân**  
  
Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.  
  
Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

**Tử hình**  
  
1. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật hình sự 2015 quy định.  
2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.  
3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  
a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;  
b) Người đủ 75 tuổi trở lên;  
c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.  
  
4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.

**Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định**  
Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội.  
Thời hạn cấm là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

**Cấm cư trú**  
Cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú hoặc thường trú ở một số địa phương nhất định.  
Thời hạn cấm cư trú là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.  
**Quản chế**  
  
Quản chế là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định dưới sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian quản chế, người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật hình sự 2015 và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.  
  
Quản chế được áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật hình sự 2015 quy định.  
  
Thời hạn quản chế là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**Tước một số quyền công dân**  
1. Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:  
a) Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước;  
b) Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.  
2. Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

**Tịch thu tài sản**  
Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước.  
Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma tuý, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật hình sự 2015 quy định.  
Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống.

**Câu 4:**

**Hãy nêu các căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội ?Các tình tiết giảm nhẹ,tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Bộ Luật Hình sự năm 2015?**

**Trả lời**

BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (Chương VIII) QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT.

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT.

Điều 50. Căn cứ quyết định hình phạt

1. Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

2. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.

Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

đ) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;

e) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;

g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;

h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

k) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;

l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;

m) Phạm tội do lạc hậu;

n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;

o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;

p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

r) Người phạm tội tự thú;

s)Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải.

t)Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm.

u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;

v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

x)Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng.

2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

Điều 52. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;

d) Phạm tội có tính chất côn đồ;

đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn;

e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;

g) Phạm tội 02 lần trở lên;

h) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;

i) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên;

k) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;

l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;

m) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội;

n) Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội;

o) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;

p) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm.

2. Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

Câu 5: Bộ luật hình sự năm 2015 quy định điều kiện, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại như thế nào?

Hãy nêu tên, nội dung những hình phạt được áp dụng đối với phạm nhân thương mại phạm tội trong bộ luật hình sự năm 2015? Trong luật hình sự năm 2015, hình phạt nào được quy định tại tất cả các điều luật có quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội?

Trả lời:

Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (Điều 75)

a) Điều kiện chịu TNHS của pháp nhân thương mại (Khoản 1 Điều 75)

Đây là một trong những quy định mang tính tiên quyết trong việc xem xét TNHS của pháp nhân.

Theo đó, chỉ truy cứu TNHS đối với pháp nhân khi hội đủ cả 04 căn cứ sau đây:

- Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại

Để truy cứu TNHS đối với pháp nhân, điều đầu tiên người thực hiện hành vi phạm tội phải nhân danh pháp nhân, có nghĩa là dưới danh nghĩa của pháp nhân. Trường hợp thực hiện hành vi mang danh nghĩa của cá nhân thì không thể đặt vấn đề truy cứu TNHS đối với pháp nhân ngay cả khi họ là người đại diện hợp pháp của pháp nhân.

Người thực hiện hành vi nhân danh pháp nhân có thể là người lãnh đạo, người điều hành pháp nhân, người được pháp nhân ủy quyền.

- Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại

Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhânlà việc người đại diện thực hiện hành vi nhằm mang lại lợi ích chung cho pháp nhân.Trường hợp thực hiện hành vi trên danh nghĩa pháp nhân nhưng lại mang lại lợi ích cho cá nhân thì cũng không thể truy cứu TNHS đối với pháp nhân.

- Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại

Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Căn cứ này phản ánh dấu hiệu “lỗi” của pháp nhân thông qua việc đánh giá ý thức chủ quan của người đứng đầu, Ban lãnh đạo pháp nhân. Như vậy, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS khi người đứng đầu pháp nhân hoặc Ban lãnh đạo của pháp nhân nhận thức rõ hành vi mà người đại diện thực hiện là trái pháp luật mà vẫn chỉ đạo, trực tiếp điều hành hoặc chấp thuận cho người đại diện thực hiện hành vi đó.

- Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.

Việc xác định thời hiệu truy cứu TNHS đối với pháp nhân được xác định thông qua việc xác định thời hiệu truy cứu TNHS của cá nhân nhưng chỉ trong phạm vi 33 tội danh được quy định tại Điều 76 BLHS.

b) Mối quan hệ giữa TNHS của cá nhân người đại diện và pháp nhân thương mại (Khoản 2 Điều 75)

Khoản 2 Điều 75 BLHS năm 2015 quy định nguyên tắc xác định mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự của cá nhân và trách nhiệm của pháp nhân, cụ thể:

“Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân”.

Điều này có nghĩa trong mọi trường hợp, người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội luôn phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng tội danh với pháp nhân trừ trường hợp thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Quy định này nhằm chống lại việc một số cá nhân phạm tội, lợi dụng vỏ bọc pháp nhân, đổtội cho pháp nhân để thoát tội.

Phạm vị chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội danh sau:Điều 188: tội buôn lậu;Điều 189 tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;Điều 190 tội sản xuất, buôn bán hàng cấm;Điều 191 tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm;Điều 192 tội sản xuất, buôn bán hàng giả;Điều 193 tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm;Điều 194 tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;Điều 195 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi;Điều 196 tội đầu cơ;Điều 200 tội trốn thuế;Điều 203 tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ;Điều 209 tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán;Điều 210 tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán;Điều 211 tội thao túng thị trường chứng khoán;Điều 213 tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm;Điều 216 tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động;Điều 217 tội vi phạm quy định về cạnh tranh;Điều 225 tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;Điều 226 tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;Điều 227 Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên;Điều 232 Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản;Điều 234 Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã;Điều 235 Tội gây ô nhiễm môi trường;Điều 237 tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường;Điều 238 tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông;Điều 239 tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam); Điều 242 (tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản;Điều 243 tội huỷ hoại rừng;Điều 244 tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm;Điều 245 tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên;Điều 246 tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại;Điều 300 tội tài trợ khủng bố;Điều 324 tội rửa tiền.

So với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 31 tội danh thì Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định thêm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với 2 tội danh, đó là, tội tài trợ khủng bố và tội rửa tiền, nâng số tội phạm mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự lên là 33 tội.

Về các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Theo quy định tại Điều 33 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị áp dụng các hình phạt sau:

03 hình phạt chính:

- Phạt tiền (tối thiểu 50 triệu đồng, tối đa 20 tỷ đồng);

- Đình chỉ hoạt động có thời hạn (tối đa 03 năm): là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm.

- Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn: là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

03 hình phạt bổ sung:

- Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định: Thời hạn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Cấm huy động vốn: Thời hạn cấm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Đối với mỗi tội phạm, PNTM phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung. Các hình phạt nhìn chung chủ yếu tác động vào lợi ích kinh tế, tài chính của pháp nhân.

Bên cạnh hình phạt, PNTM phạm tội còn có thể bị áp dụng các biện pháp tư pháp:

Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, như:

- Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;

- Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội;

- Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi;

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

- Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, như:

+ Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

+ Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

+ Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện nếu có hành vi vi phạm quy định pháp luật về xuất nhập khẩu, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

+ Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật;

+ Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

+ Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.

Việc quyết định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội được Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS 2015, cân nhắc tín chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của PNTM và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với PNTM.

Hình thức phạt tiền được quy định tại tất cả các điều luật và Tòa án cần căn cứ theo tình hình tài sản, khả năng thi hành án của chủ thể phạm tội.

**Câu 5**: Bộ luật hình sự năm 2015 quy định điều kiện, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại như thế nào?

Hãy nêu tên, nội dung những hình phạt được áp dụng đối với phạm nhân thương mại phạm tội trong bộ luật hình sự năm 2015? Trong luật hình sự năm 2015, hình phạt nào được quy định tại tất cả các điều luật có quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội?

**Trả lời:**

Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (Điều 75)

a) Điều kiện chịu TNHS của pháp nhân thương mại (Khoản 1 Điều 75)

Đây là một trong những quy định mang tính tiên quyết trong việc xem xét TNHS của pháp nhân.

Theo đó, chỉ truy cứu TNHS đối với pháp nhân khi hội đủ cả 04 căn cứ sau đây:

- Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại

Để truy cứu TNHS đối với pháp nhân, điều đầu tiên người thực hiện hành vi phạm tội phải nhân danh pháp nhân, có nghĩa là dưới danh nghĩa của pháp nhân. Trường hợp thực hiện hành vi mang danh nghĩa của cá nhân thì không thể đặt vấn đề truy cứu TNHS đối với pháp nhân ngay cả khi họ là người đại diện hợp pháp của pháp nhân.

Người thực hiện hành vi nhân danh pháp nhân có thể là người lãnh đạo, người điều hành pháp nhân, người được pháp nhân ủy quyền.

- Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại

Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhânlà việc người đại diện thực hiện hành vi nhằm mang lại lợi ích chung cho pháp nhân.Trường hợp thực hiện hành vi trên danh nghĩa pháp nhân nhưng lại mang lại lợi ích cho cá nhân thì cũng không thể truy cứu TNHS đối với pháp nhân.

- Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại

Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Căn cứ này phản ánh dấu hiệu “lỗi” của pháp nhân thông qua việc đánh giá ý thức chủ quan của người đứng đầu, Ban lãnh đạo pháp nhân. Như vậy, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS khi người đứng đầu pháp nhân hoặc Ban lãnh đạo của pháp nhân nhận thức rõ hành vi mà người đại diện thực hiện là trái pháp luật mà vẫn chỉ đạo, trực tiếp điều hành hoặc chấp thuận cho người đại diện thực hiện hành vi đó.

- Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.

Việc xác định thời hiệu truy cứu TNHS đối với pháp nhân được xác định thông qua việc xác định thời hiệu truy cứu TNHS của cá nhân nhưng chỉ trong phạm vi 33 tội danh được quy định tại Điều 76 BLHS.

b) Mối quan hệ giữa TNHS của cá nhân người đại diện và pháp nhân thương mại (Khoản 2 Điều 75)

Khoản 2 Điều 75 BLHS năm 2015 quy định nguyên tắc xác định mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự của cá nhân và trách nhiệm của pháp nhân, cụ thể:

“Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân”.

Điều này có nghĩa trong mọi trường hợp, người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội luôn phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng tội danh với pháp nhân trừ trường hợp thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Quy định này nhằm chống lại việc một số cá nhân phạm tội, lợi dụng vỏ bọc pháp nhân, đổtội cho pháp nhân để thoát tội.

Phạm vị chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội danh sau:Điều 188: tội buôn lậu;Điều 189 tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;Điều 190 tội sản xuất, buôn bán hàng cấm;Điều 191 tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm;Điều 192 tội sản xuất, buôn bán hàng giả;Điều 193 tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm;Điều 194 tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;Điều 195 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi;Điều 196 tội đầu cơ;Điều 200 tội trốn thuế;Điều 203 tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ;Điều 209 tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán;Điều 210 tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán;Điều 211 tội thao túng thị trường chứng khoán;Điều 213 tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm;Điều 216 tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động;Điều 217 tội vi phạm quy định về cạnh tranh;Điều 225 tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;Điều 226 tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;Điều 227 Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên;Điều 232 Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản;Điều 234 Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã;Điều 235 Tội gây ô nhiễm môi trường;Điều 237 tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường;Điều 238 tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông;Điều 239 tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam); Điều 242 (tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản;Điều 243 tội huỷ hoại rừng;Điều 244 tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm;Điều 245 tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên;Điều 246 tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại;Điều 300 tội tài trợ khủng bố;Điều 324 tội rửa tiền.

So với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 31 tội danh thì Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định thêm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với 2 tội danh, đó là, tội tài trợ khủng bố và tội rửa tiền, nâng số tội phạm mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự lên là 33 tội.

Về các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Theo quy định tại Điều 33 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị áp dụng các hình phạt sau:

03 hình phạt chính:

- Phạt tiền (tối thiểu 50 triệu đồng, tối đa 20 tỷ đồng);

- Đình chỉ hoạt động có thời hạn (tối đa 03 năm): là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm.

- Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn: là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

03 hình phạt bổ sung:

- Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định: Thời hạn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Cấm huy động vốn: Thời hạn cấm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Đối với mỗi tội phạm, PNTM phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung. Các hình phạt nhìn chung chủ yếu tác động vào lợi ích kinh tế, tài chính của pháp nhân.

Bên cạnh hình phạt, PNTM phạm tội còn có thể bị áp dụng các biện pháp tư pháp:

Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, như:

- Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;

- Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội;

- Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi;

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

- Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, như:

+ Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

+ Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

+ Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện nếu có hành vi vi phạm quy định pháp luật về xuất nhập khẩu, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

+ Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật;

+ Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

+ Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.

Việc quyết định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội được Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS 2015, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của PNTM và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với PNTM.

Hình thức phạt tiền được quy định tại tất cả các điều luật và Tòa án cần căn cứ theo tình hình tài sản, khả năng thi hành án của chủ thể phạm tội.

**Câu 6:**

**Bộ luật hình sự năm 2015 quy định các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như thế nào? Hãy nêu các hình phạt; quyết định hình phạttrong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt; miễn giảm hình phạt; xóa**

**án tích được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội theo bộ luật hình sự năm 2015?**

**Trả lời:**

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

1. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2. Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật hình sự 2015, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này;

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự 2015, trừ trường hợp quy định tại Điều 123 (tội giết người); Điều 134, các khoản 4, 5 và khoản 6 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật hình sự 2015;

c) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

5. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

6. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

7. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Các hình phạt; quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt; miễn giảm hình phạt; xóa án tích được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội theo bộ luật hình sự năm 2015

Điều 102. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

1. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

2. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Bộ luật này.

Điều 105. Giảm mức hình phạt đã tuyên

1. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Toà án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

2. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

3. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Toà án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

Điều 107. Xoá án tích

1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây;

a) Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;

c) Người bị áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Mục 3 Chương này.

2. Người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì đương nhiên xoá án tích nếu trong thời hạn 03 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không thực hiệ n hành vi phạm tội mới.

**Câu hỏi 7**:

**Hãy kể tên các tội phạm tình dục trẻ em theo Bộ luật hình sự năm 2015? Theo bạn cần có những giải pháp nào để hạn chế tôị phạm về xâm phạm tình dục trẻ em trong giai đoạn hiện nay?**

GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI

A. Các tội phạm tình dục trẻ em theo Bộ luật hình sự năm 2015:

Các tội xâm hại tình dục trẻ em được quy định tại Chương XIV (Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người) trong Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm 5 Điều (Điều 142, 144, 145, 146, 147). So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 tăng thêm một điều (Điều 147) quy định về tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm.

1. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Tội này được quy định tại Điều 112 (tội hiếp dâm trẻ em) Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại Bộ luật Hình sự năm 2015, tên của điều luật đã thay cụm từ “trẻ em” thành cụm từ “người dưới 16 tuổi”. Khung hình phạt cao nhất của tội này được giữ nguyên là phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Các khoản trong điều luật được rút gọn từ 5 khoản xuống còn 4 khoản, nội dung các khoản của tội này trong Bộ luật Hình sự năm 1999 không quy định chi tiết, cụ thể hóa hành vi phạm tội như nội dung các khoản của tội này trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Người nào hiếp dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm”, nhưng khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định cụ thể về các hành vi phạm tội: Người nào thực hiện các hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ; giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Khoản 2 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: có tính chất loạn luận; làm nạn nhân có thai; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%; đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; tái phạm nguy hiểm, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định theo hướng cụ thể đối với từng trường hợp phạm tội là: …; gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; quy định thêm trường hợp phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên;…, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

Khoản 3 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: có tổ chức; nhiều người hiếp một người; phạm tội nhiều lần; đối với nhiều người; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên; biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội; làm nạn nhân chết hoặc tự sát, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khoản 3 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thêm trường hợp phạm tội đối với người dưới 10 tuổi và đối với trường hợp gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;…, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Bỏ khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999, giữ nguyên khoản 5 chuyển sang quy định tại khoản 4 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Tội này được quy định tại Điều 114 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tội cưỡng dâm trẻ em), Bộ luật Hình sự năm 2015 thay cụm từ “trẻ em” thành cụm từ “người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Khung hình phạt cao nhất của tội này được giữ nguyên là bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Các khoản trong điều luật được rút gọn từ 5 khoản xuống còn 4 khoản. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 114 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Người nào cưỡng dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm. Khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.

Khoản 2 Điều 114 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: có tính chất loạn luân; làm nạn nhân có thai; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%; tái phạm nguy hiểm, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định theo hướng cụ thể và có tính định lượng như: …; gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên;…, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Khoản 3 Điều 114 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: nhiều người cưỡng dâm một người; phạm tội nhiều lần; đối với nhiều người; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên; biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội; làm nạn nhân chết hoặc tự sát, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Khoản 3 Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định rút gọn, bỏ điểm b và c, bổ sung thêm nội dung tại điểm d, cụ thể: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: nhiều người cưỡng dâm một người; gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; …, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Khoản 4 Điều 114 Bộ luật Hình sự năm 1999 giữ nguyên và được chuyển sang quy định tại khoản 4 Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015: Người phạm tội có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

3. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Tội này được quy định tại Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tội giao cấu với trẻ em). Tên của điều luật được sửa đổi, bổ sung và thay thế thành tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Nội dung của điều luật được sửa đổi, bổ sung thêm 01 khoản và được quy định theo hướng lượng hóa hành vi phạm tội, có tính chất loại trừ. Khung hình phạt cao nhất của tội này được giữ nguyên là bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm. Khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người nào từ đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: phạm tội nhiều lần; đối với nhiều người; có tính chất loạn luân; làm nạn nhân có thai; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm. Khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định theo hướng lượng hóa hành vi phạm tội tại điểm a, b; bổ sung thêm nội dung tại điểm đ và quy định thêm điểm e, cụ thể: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên; …; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Khoản 3 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên; biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Khoản 3 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Khoản 4 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Bộ luật Hình sự năm 1999 không có quy định này.

4. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Tội này được quy định tại Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tội dâm ô đối với trẻ em). Tên điều luật thay cụm từ “trẻ em” thành cụm từ “người dưới 16 tuổi). Về nội dung điều này trong Bộ luật Hình sự năm 2015 có sửa đổi nội dung các khoản, bổ sung thêm một số điểm trong một số khoản và quy định theo hướng lượng hóa hành vi phạm tội, quy định rõ mức độ gây tổn hại cho nạn nhân do tác động của hành vi phạm tội gây ra. Khung hình phạt cao nhất của tội này vẫn giữ nguyên là bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm, bổ sung thêm quy định một số trường hợp phạm tội. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Người nào đã thành niên mà có hành vi dâm ô đối với trẻ em, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khoản 2 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: phạm tội nhiều lần; đối với nhiều trẻ em; đối với trẻ em mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; gây hậu quả nghiêm trọng; tái phạm nguy hiểm, thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm. Khoản 2 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên; đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;…, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Khoản này bỏ trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại khoản 2 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khoản 3 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặt biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ bảy năm đến 12 năm. Khoản 3 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định theo hướng cụ thể hơn: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; làm nạn nhân tự sát, thì bị phạt từ từ 07 năm đến 12 năm.

Khoản 4 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 được giữ nguyên và quy định tại khoản 4 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015: Người phạm tội có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Đây là quy định mới được đưa vào Chương XIV Bộ luật Hình sự năm 2015, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đấu tranh, phòng ngừa tội phạm vì trên thực tế, các hình thức khiêu dâm bùng nổ và gia tăng khắp nơi dưới nhiều hình thức. Trong đó, xuất hiện cả những hiện tượng sử dụng trẻ em, người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. Hành vi này đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với nạn nhân, gia đình và xã hội. Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 1999 đã quy định về tội dâm ô trẻ em song quy định này chưa bao quát hết các hành vi xâm hại tình dục trẻ em đã và đang diễn ra hiện nay. Hiện tượng ép buộc trẻ em phải biểu diễn các hành vi khiêu dâm, đóng phim khiêu dâm, xem những hình ảnh khiêu dâm… đang diễn ra khó kiểm soát.

Do vậy, Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung thêm quy định về tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm nhằm xử lý triệt để mọi hành vi xâm phạm tình dục trẻ em là rất hợp lý, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm và hạn chế sự gia tăng của tội phạm này.

Cụ thể điều luật quy định, phạm tội trong các trường hợp: phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên; đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; có mục đích thương mại; gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; tái phạm nguy hiểm, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; làm nạn nhân tự sát, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

B. Một số giải pháp góp phần tăng cường hiệu quả thực thi Bộ luật Hình sự năm 2015

1. GIẢI PHÁP 1: Tăng cường việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự về các tội xâm hại tình dục trẻ em

Để bảo đảm thống nhất cách hiểu và áp dụng đúng quy định về các tội xâm hại tình dục trẻ em trong Bộ luật Hình sự vào công tác xét xử, rất cần được Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành nghị quyết hướng dẫn cụ thể như thế nào là hành vi quan hệ tình dục khác; trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu; gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân; lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu;…

Đồng thời, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng xét xử các tội xâm hại tình dục trẻ em cho các tòa án trong phạm vi toàn quốc nhằm trau rồi, nâng cao kiến thức và kỹ năng xét xử đối với các tội xâm hại tình dục trẻ em.

2. GIẢI PHÁP 2: Các giải pháp nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức

2.1. Để tăng cường hiệu quả thực thi của Bộ luật Hình sự năm 2015 nói chung và các quy định về tội xâm hại tình dục trẻ em nói riêng, Chính phủ cần đẩy mạnh thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, đặc biệt là có chương trình, hành động cụ thể về đấu tranh, phòng chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em. Tiếp tục tập huấn và giới thiệu sâu rộng các quy định pháp luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội xâm hại tình dục trẻ em, không chỉ tập trung ở các tỉnh/thành phố mà cần phải triển khai tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi… để mọi công dân đều nhận thức được vấn đề bảo vệ trẻ em khỏi nạn xâm hại tình dục không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước mà là trách nhiệm của cả cộng đồng, mỗi người dân đều phải có ý thức trang bị kiến thức và giúp con em mình nhận thức đầy đủ về những hậu quả nghiêm trọng của tội phạm này gây ra, để mọi người dân đều tích cực tham gia vào công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, hạn chế tình hình tội phạm này gia tăng.

2.2. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng như công an, viện kiểm sát, tòa án với các cơ quan ban ngành khác có liên quan, các tổ chức đoàn thể, xã hội… và đặc biệt là với nhân dân trong việc phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm minh các hành vi liên quan đến việc xâm phạm tình dục trẻ em và có cơ chế bảo vệ nạn nhân cũng như người tố cáo để họ mạnh dạn khai báo, tố cáo tội phạm.

2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục dưới mọi hình thức (báo hình, báo nói, báo viết, báo điện tử, pano, áp phíc, tờ gấp, tờ rơi, đưa các nội dung tuyên truyền đến các tổ dân phố, thôn, bản, xã, phường…) nhằm nâng cao nhận thức và phát huy trách nhiệm của cộng đồng xã hội, gia đình, nhà trường đối với việc quản lý, giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Ngành giáo dục cần chủ động sớm đưa các nội dung giáo dục giới tính vào chương trình giáo dục bắt buộc đối với học sinh, sinh viên nhằm nâng cao nhận thức và khả năng tự vệ từ chính phía đối tượng có nguy cơ bị xâm hại.

2.4. Thường xuyên phổ biến những phương thức, thủ đoạn phạm tội và các vụ việc xảy ra trên các phương tiện thông tin truyền thông để mọi người dân và tự bản thân trẻ em nâng cao ý thức phòng ngừa; hướng dẫn cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là trẻ em một số biện pháp phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

2.5. Thiết lập các đường dây “nóng”, hòm thư tố giác tội phạm để tiếp nhận mọi thông tin, tài liệu liên quan đến các vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, sớm có biện pháp xử lý kịp thời, thỏa đáng.

**Câu 8**:

**Hãy kể tên các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng(tại chương XXI, mục 4): trình bày các quy định về hình phạt đối với tội đánh bạc theo Bộ luật Hình sự năm 2015.**

**Trả lời:**

- Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng:

1. Tội gây rối trật tự công cộng.

2. Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt.

3. Tội hành nghề mê tín dị đoan.

4. Tội đánh bạc.

5. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

6. Tội rửa tiền.

7. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp.

8. Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy.

9. Tội chứa mại dâm.

10. Tội môi giới mại dâm.

11. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

- Các quy định về hình phạt đối với tội đánh bạc theo Bộ luật Hình sự năm 2015:

1. Người nào đánh bạc dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo đến không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a, có tính chất chuyên nghiệp.

b, tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên.

c, sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội.

d, tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

**Câu 9:**

**Trả lời:**

\* Đối với H:

- H vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ thuộc :

- Điểm a, khoản 1, Điều 260

- Điểm a, khoản 2, Điều 260.

Điều 260 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 chỉ rõ:

- Khoản 1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù 01 năm đến 05 năm:

Điểm a, làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

- Khoản 2. Phạm tội các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm

Điểm a, không có giấy phép lái xe theo quy định.

Vì: H là người trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia giao thông và gây tai nạn.

\*Đối với K:

- K có phạm tội.

- Dấu hiệu phạm tội của K thuộc Điểm a, Khoản 1, Điều 264.

( Điều 264: Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Khoản 1: Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc các trường hợp sau đây thì bị phạt từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Điểm a: Làm chết người.)

**Câu 10:** ( cá nhân tự làm)